

DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

NGUYỄN HUY CÁN^{*}

Bài viết đề cập đến những vấn đề bức xúc của việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay, từ các chương trình dạy và học ở bậc phổ thông đến đại học; đồng thời đưa ra một số kiến nghị và giải pháp chung để hoạt động dạy và học ngoại ngữ đạt hiệu quả hơn.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế và Việt Nam tích cực tham gia vào quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới đã nảy sinh nhiều vấn đề có tính cấp bách trong việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay. Gần đây trên các phương tiện thông tin đại chúng đã cho thấy hàng loạt trung tâm ngoại ngữ của nước ngoài “đổ bộ” vào Việt Nam (chủ yếu là dạy tiếng Anh cho người Việt), trong đó có Trung tâm TISC của Singapore, đã làm cho hàng vạn học sinh Việt Nam “tiền mất tật mang”. Báo Thanh niên số ra ngày 2-3/2/2006 phản ánh: riêng ở Hà Nội có khoảng 10.000 học sinh theo học tại các trung tâm của TISC với lệ phí, học phí lên tới 1,5 triệu USD, nhưng trường đóng cửa mà không một lời giải thích có tính thuyết phục nào. Từ năm học 2006-2007 Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã chỉ đạo và hướng dẫn bắt buộc đối với việc học ngoại ngữ từ cấp trung học cơ sở (THCS). Những nơi nhà trường có

điều kiện thì cần khuyến khích dạy ngoại ngữ thứ 2 như một môn tự chọn, còn ngoại ngữ thứ nhất thì bắt buộc phải học (ngoại ngữ thứ nhất gồm 4 thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung được dạy theo chương trình và sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành) (Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ - số 9893/BGDĐT-GDTrH ngày 6/9/06).

Tình trạng học và dạy học ngoại ngữ đã và đang tiến hành ở Việt Nam không chỉ đơn giản thuộc phạm vi giáo dục, mà là một vấn đề phức tạp về nhiều phương diện: kinh tế-xã hội, giáo dục-khoa học, và tác động một cách trực tiếp đến một bộ phận lớn trong xã hội, đặc biệt là với hàng triệu học sinh, sinh viên từ cấp phổ thông đến đại học, cũng như các đối tượng công chức, viên chức và các tầng lớp cư dân khác ở Việt Nam. Từ khi Đảng, Nhà nước ta thực hiện chủ trương đa phương hoá, đa

^{*} TS. Ngữ văn, Viện thông tin KHXH

diện hoá trong quan hệ đối ngoại, nhất là hiện nay chúng ta trở thành thành viên WTO thì việc dạy, học ngoại ngữ đòi hỏi những yêu cầu mới về quy mô, phương thức đào tạo mới với chất lượng cao, đáp ứng những nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Từ những năm 1998, trong điều 24 của Luật Giáo dục (tr. 17) đã khẳng định vị trí quan trọng của ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông. Mục tiêu của giáo dục phổ thông là “giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản..., chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc”. Trong “Đề án giảng dạy, học tập ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam (giai đoạn 2004-2010)”, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự định trình Chính phủ một khoản kinh phí cho đề án này đến hơn 3.000 tỷ đồng, nhằm thực hiện một bước ngoặt lớn trong việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam.

Với chỉ thị 422/TTg “Về việc tăng cường bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ quản lý và công chức nhà nước” ban hành ngày 15/8/1994, trong đó nhấn mạnh “yêu cầu bức bách đặt ra là cán bộ tất cả các cấp đều phải biết ngoại ngữ để trực tiếp giao dịch, làm việc với người nước ngoài và để có điều kiện tiếp tục học tập, nghiên cứu”.

Như vậy vấn đề dạy và học ngoại ngữ không chỉ được xem xét ở tầm quốc gia, mà còn mang tính xã hội sâu sắc, được giới khoa học, giáo dục và mọi tầng lớp xã hội quan tâm.

Tháng 1 và tháng 6/2005, tại Hà Nội, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam cùng với Viện Đại học mở Hà Nội đã tổ chức hai hội nghị bàn về việc dạy, học ngoại ngữ ở Việt Nam. Nhiều hội thảo khoa học của các trường đại học cũng đề cập đến tình hình dạy và học ngoại ngữ. Tuy vậy, việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay còn quá nhiều bất cập mà giới khoa học cũng như dư luận báo chí nêu ra như: chưa có một chiến lược dạy và học ngoại ngữ phù hợp với quá trình hội nhập; việc dạy và học ngoại ngữ là thuộc chính sách ngôn ngữ hay chính sách giáo dục?; cần thiết xây dựng một chính sách riêng về ngoại ngữ? Mục tiêu chương trình, cơ cấu ngoại ngữ chưa thật hợp lý ở các cấp, bậc học; thiếu sự liên thông về chương trình giữa các cấp, bậc học; còn lẫn lộn giữa đào tạo ngoại ngữ và đào tạo dịch thuật như một nghề; hiệu quả dạy và học ngoại ngữ còn kém, đặc biệt là ở các trung tâm ngoại ngữ dạy các trình độ A, B, C v.v...

I. Tình hình dạy và học ngoại ngữ ở các trường phổ thông hiện nay

1. Tình hình chung

Việc dạy và học ngoại ngữ ở phổ thông hiện nay là kế thừa việc dạy và học ngoại ngữ của những giai đoạn trước thời kỳ đổi mới. Đó là tùy theo từng vùng, miền và yêu cầu của từng giai đoạn của sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chúng ta đã dạy cho học sinh phổ thông các ngoại ngữ quan trọng như: tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung. Mặc dù vậy, trước đây chúng ta từng mắc những sai lầm, có tính duy ý chí, khi một số trường đại học và cả cấp

bậc phổ thông đã bỏ môn học tiếng Trung. Ngày nay, trên thực tế tiếng Anh gần như chiếm vị trí độc tôn; mặc dù đó là một ngoại ngữ quan trọng, nhưng nếu không có những điều chỉnh cả về mặt chính sách lẫn việc thực thi các biện pháp cụ thể, thì có thể làm lu mờ các tiếng nước ngoài khác cần thiết cho sự phát triển đất nước.

Vấn đề dạy và học ngoại ngữ ở các trường phổ thông hiện nay chủ yếu là dạy và học tiếng Anh. Cấp học cũng mở rộng: từ tiểu học đến THCS, trung học phổ thông (THPT), nhìn chung giáo trình được biên soạn công phu hơn và có tính ứng dụng hơn, chú ý đến phương pháp dạy giao tiếp, không thiên về phương pháp dạy cũ, đó là dạy những kiến thức về ngoại ngữ (chủ yếu là dạy dịch văn bản) cho học sinh.

Theo Lê Anh Tâm, chuyên gia của Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, thì việc dạy và học ngoại ngữ ở các trường phổ thông từ năm 1975 đến nay có những biến chuyển tích cực, như:

- 4 thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung được dạy ở trường THCS (cấp II) và THPT (cấp III) theo chương trình thống nhất trên phạm vi cả nước.

- Số trường học có dạy ngoại ngữ phát triển nhanh. Tính đến năm học 2003-2004, cả nước có 32,2% số trường tiểu học, 91,1% trường THCS và 97,7% trường THPT dạy ngoại ngữ.

- Ngoại ngữ là môn học bắt buộc ở bậc trung học, và là môn học tự chọn ở bậc tiểu học. Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung trở thành những môn học chuyên ở các trường THPT chuyên; Ngoại ngữ đã trở thành

môn thi tốt nghiệp của cấp THPT, số lượng học sinh tham gia thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ ngày càng tăng. Theo số liệu của Vụ Giáo dục trung học, năm học 2001-2002 có 593.644 học sinh (90,36%) thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ.

Tuy nhiên, việc dạy và học ngoại ngữ trong trường phổ thông hiện nay còn những hạn chế, đó là:

- Thiếu sự chỉ đạo thống nhất, mang tính chiến lược.

- Không đảm bảo sự liên thông trong dạy, học giữa các cấp, bậc học.

- Chương trình còn tản mạn.

Nội dung và phương pháp dạy học chưa tập trung đúng mức vào quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp đích thực. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp phổ thông, hầu hết học sinh không có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ như mục tiêu đã đề ra.

- Đội ngũ giáo viên chưa đảm bảo đủ về số lượng, chưa đạt về chất lượng theo yêu cầu của chương trình. Hiện nay số giáo viên chỉ qua đào tạo ngắn hạn để cấp chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A, B, C chiếm khoảng 0,5% ở THCS và 0,3% ở THPT.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ngoại ngữ còn nghèo nàn, đơn giản. Theo kết quả khảo sát tháng 7/2004 tại 8 tỉnh, thành phố đại diện cho 8 vùng địa lý-kinh tế của nước ta thì trung bình số phòng học ngoại ngữ tính cho mỗi trường THCS là 0,07; tỷ lệ học sinh THCS/thiết bị nghe-nhìn là khoảng 1229 học sinh/1 thiết bị; số lượng băng, đĩa ghi hình, ghi tiếng phục vụ cho việc dạy học ngoại ngữ của một trường, tính

bình quân là 7,69; số tranh ảnh tư liệu phục vụ dạy, học ngoại ngữ, tính bình quân là 2,13 chiếc/trường.

- Hình thức kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ của học sinh hiện nay, chủ yếu là kiểm tra thi viết, chưa có điều kiện kiểm tra, đánh giá toàn diện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Có nhiều nguyên nhân gây ra tình trạng nêu trên, nhưng nguyên nhân chính, có thể nêu ra như sau:

- Sự chậm trễ trong việc đổi mới quan niệm về mục tiêu dạy và học ngoại ngữ ở nước ta. Từ trước đến nay chúng ta mới chỉ chú ý đến khía cạnh mục tiêu dạy và học ngoại ngữ như các môn học khác trong chương trình ở các cấp, bậc học. Chúng ta chưa kịp thời định hướng lại mục tiêu của việc dạy, học ngoại ngữ như là một phương tiện để học sinh có thể sử dụng trong hoạt động học tập, làm việc sau khi rời ghế nhà trường.

- Sự thiếu liên tục, không liên thông giữa các chương trình dạy học môn ngoại ngữ ở các cấp, bậc học đang là nguyên nhân chủ yếu của sự lãng phí, kém hiệu quả trong dạy và học ngoại ngữ.

- Đội ngũ giáo viên không đồng bộ về trình độ đào tạo, lạc hậu về phương pháp giảng dạy, thiếu nhiệt tình với nghề dạy học đang là trở ngại chính cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao hiệu quả dạy và học ngoại ngữ.

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học còn nặng về kiểm tra, đánh giá kiến thức ngôn ngữ, chưa quan tâm

chú ý đúng mức đến việc kiểm tra, đánh giá toàn diện kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là kỹ năng nghe, vì đây là điểm yếu của học sinh Việt Nam.

- Công tác quản lý, chỉ đạo việc dạy, ngoại ngữ còn lúng túng trong việc xác định cơ cấu ngoại ngữ, nhất là khi có sự biến động trong quan hệ ngoại giao giữa nước ta và nước có thứ tiếng đang được dạy trong các trường học ở Việt Nam.

2. Một số giải pháp

Để khắc phục những yếu kém và bất cập của việc dạy và học ngoại ngữ trong trường phổ thông hiện nay thì cần những đổi mới mang tính chiến lược ở cấp quốc gia, trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo cần giữ vai trò chủ đạo trong việc đào tạo, đưa ra một chuẩn chung về đội ngũ giáo viên, những trang thiết bị tối thiểu cho việc dạy và học ngoại ngữ v.v...

Trước hết cần phải tăng cường và nâng cao nhận thức về vai trò của việc dạy và học ngoại ngữ trong trường phổ thông hiện nay, cần phải đổi mới mục tiêu chương trình dạy và học. Dạy ngoại ngữ tức là cung cấp cho người học một phương tiện giao tiếp mới, ngoài tiếng mẹ đẻ, phù hợp với từng cấp học và bậc học. Cần phải qui hoạch đội ngũ giáo viên ngoại ngữ ở các cấp, đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn. Cần phải nghiên cứu xác định nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả việc dạy và học theo một chuẩn chung của quốc tế. Các trường học cần được trang bị những cơ sở vật chất; tiến tới xây dựng các trường học ngoại ngữ đa năng

phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy-học.

Những tồn tại trong vấn đề ngoại ngữ ở phổ thông cơ sở và THPT hiện nay, đòi hỏi phải thực hiện một cuộc cải cách nhằm đổi mới nội dung giảng dạy cho phù hợp với thời đại, với trình độ phát triển khoa học-công nghệ, trong đó cần phải đổi mới phương pháp dạy và giảm tải nội dung sách giáo khoa các môn học. Hiện nay sách giáo khoa theo chương trình đổi mới đã biên soạn xong, đã được hiệu chỉnh theo ý kiến đóng góp của các hội đồng thẩm định và phù hợp với chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

II. Tình hình dạy và học ngoại ngữ chuyên ngành ở các trường đại học

1. Tình hình chung

Việc dạy và học ngoại ngữ cho các chuyên ngành ở các trường đại học của Việt Nam gặp không ít những nan giải trong việc làm thế nào để nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là khả năng sử dụng ngoại ngữ của học sinh, sinh viên. Sau khi ra trường họ có thể sử dụng được một ngoại ngữ phục vụ cho công tác và chuyên môn của mình. Nhưng trên thực tế thì yêu cầu trên còn khá xa vời, bởi vì sau khi tốt nghiệp ở các trường đại học, nhiều cử nhân sử dụng ngoại ngữ cho công tác chuyên môn rất kém.

Theo Đinh Văn Đức và Kiều Châu, ngoại ngữ cho các chuyên ngành được hiểu là ngoại ngữ được giảng dạy ở bậc đại học và cao đẳng, thuộc khu vực những trường không chuyên ngữ, nhằm phục vụ cho lợi ích đào tạo chuyên môn của các ngành nghề mang tính chuyên

nghiệp (khoa học cơ bản, khoa học kỹ thuật và công nghệ, kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học xã hội và nhân văn...). Đối với việc dạy ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh chiếm ưu thế trong các trường đại học), hiện nay nổi lên các vấn đề đáng quan tâm sau đây:

- *Về người học:* Sinh viên theo học ngoại ngữ ở các chuyên ngành có thể chia làm ba loại:

+ Những người chưa bao giờ được học ngoại ngữ ở trường phổ thông.

+ Những người đã có dịp học ngoại ngữ ở nhà trường phổ thông nhưng việc học có tính chất nửa vời.

+ Những người được học ngoại ngữ tương đối chu đáo ở trường phổ thông và có được học thêm.

Loại người học thứ hai chiếm khoảng 60-70%. Loại người học thứ nhất không nhiều, đó là những học sinh ở vùng sâu, vùng xa, những nơi không đủ thầy dạy hoặc do sự điều chỉnh chính sách nào đó. Loại người học thứ ba phần lớn thuộc về học sinh thành thị, học sinh ở các trường điểm, trường chuyên, lớp chọn.

- *Về người dạy:* Nhìn chung giáo viên ngoại ngữ hiện nay được đào tạo từ các nguồn khác nhau, một số đã qua các khoá đào tạo sau đại học ở trong nước và nước ngoài. Nhưng chủ yếu họ chỉ có trình độ ngoại ngữ mà lại thiếu một trình độ chuyên môn nhất định, là cái cần thiết đối với việc dạy tiếng Anh chuyên ngành.

- *Về chương trình học:* Bản chất của chương trình học ngoại ngữ không chỉ nằm ở các khung chương trình, mà cơ

bản là ở việc phân bố nội dung dạy và học một cách có chọn lọc, phù hợp với đối tượng và cách thức đào tạo. Chẳng hạn như: ở trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Hà Nội) có chương trình ngoại ngữ chuyên ngành với 28 đơn vị học trình (ĐVHT) cho toàn khoá. Mỗi khoa (trong số 13 khoa) lại vận dụng theo một cách. Phần cứng (môn chung) thường chiếm đến 20/28 ĐVHT, số dành cho chuyên ngành chỉ còn 8/28 ĐVHT. Khoa Ngôn ngữ học thì dùng 8 ĐVHT cho việc dạy và hướng dẫn tập dịch tài liệu chuyên môn. Đối với các lớp cử nhân chất lượng cao, số giờ ngoại ngữ cho chuyên ngành còn được tăng cường nhờ vào sự phối hợp của giáo viên bộ môn trong các giờ của môn học ngôn ngữ học ứng dụng và loại hình học các ngôn ngữ.

- Về các tài liệu giáo khoa: Nói chung việc dạy tiếng ở Việt Nam đã chuyển sang một chiến lược mới, đó là phương pháp dạy học - giao tiếp bằng văn bản, mô tả các hành động ngôn từ và phong cách nói năng của người bản ngữ làm tiêu chuẩn. Tuy vậy, việc dạy và học ngoại ngữ chuyên ngành ở Việt Nam hiện nay là thiên về văn hoá đọc, tức là dạy thiên về văn bản và kỹ năng phân tích văn bản. Với phương pháp dạy này tuy có những tác dụng tốt cho việc xử lý văn bản nhưng những kỹ năng khác, nhất là nghe, nói lại rất bị hạn chế.

- Chúng ta còn thiếu các tài liệu giáo khoa, sách hướng dẫn ngoại ngữ cho các chuyên ngành. Việc dạy và học ngoại ngữ cho các chuyên ngành cần phải được dựa trên cơ sở của hệ thống giáo dục các ngành khoa học cơ bản.

Theo Nguyễn Thị Kim Thanh, các trường đại học dạy ngoại ngữ không chuyên hiện nay có những bất cập về hầu hết các phương diện: từ việc tổ chức đến phương pháp và phương thức đào tạo ngoại ngữ (nhất là với tiếng Anh), đó là:

+ Thời lượng lớn nhưng cách phân bổ thiếu hợp lý, gây ra sự bất đồng đều, thiếu cân đối giữa nội dung và trình độ tiếp nhận của sinh viên.

+ Số lượng sinh viên trong một lớp học quá đông, trình độ ngoại ngữ của sinh viên khi vào trường đại học, cao đẳng không đồng đều. Cơ sở vật chất không đầy đủ (thiếu phương tiện nghe nhìn, hay phương tiện có chất lượng kém).

+ Giáo trình, tài liệu tuy phong phú nhưng chưa được chọn lựa thật phù hợp và chưa được khai thác tốt trong quá trình dạy và học.

+ Phương thức dạy và học không thích hợp nên hầu như không đáp ứng được mục đích của việc học ngoại ngữ đối với sinh viên (việc dạy bị quá tải, trở nên đơn điệu và việc học trở thành miễn cưỡng).

+ Trong khi phủ nhận phương pháp dạy và học ngữ pháp truyền thống, đề cao phương pháp giao tiếp mà không tính đến hoàn cảnh, điều kiện cụ thể (trình độ sinh viên, trình độ giáo viên, cơ sở vật chất của từng trường...) nên việc dạy và học chưa có hiệu quả.

+ Chưa có những nguyên tắc cơ bản cho việc xây dựng một chương trình ngoại ngữ chuyên ngành thật hợp lý, nên việc dạy và học ngoại ngữ chuyên

ngành vẫn còn mang tính hình thức.

+ Giáo viên chưa có đủ điều kiện tham dự thường xuyên các khoá học trong nước và nước ngoài, chưa thường xuyên được nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật với những phương pháp giảng dạy mới và những biến động mới của ngôn ngữ (ngoại ngữ).

Việc giảng dạy các chuyên ngành bằng tiếng Anh cho sinh viên Việt Nam ở Việt Nam hiện nay nổi lên như là một phương thức đào tạo mới. Phương thức đào tạo này gần đây được chú ý và đang có chiều hướng gia tăng mạnh mẽ ở Việt Nam, đó là một hình thức “du học tại chỗ”. Tuy vậy, về phương pháp giảng dạy và mục tiêu của phương thức đào tạo này còn nhiều bất cập. Theo NDHĐ (Nguyễn Đăng Huy Đăng) và Nguyễn Huy Cận thì với những sinh viên không có nền tảng ngoại ngữ tốt khi học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh là cực kỳ khó. Có thể điểm ngoại ngữ đầu vào đủ tiêu chuẩn: điểm thi đại học và điểm Toefl từ 450 điểm trở lên nhưng không có nghĩa họ sẽ học thành công các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh như:

Quản trị tài chính (Financial Management);

Quản trị chiến lược (Strategic Management);

Quản trị nhân sự (Human Resources Management).

Với việc học và thi bằng tiếng Anh nhiều môn học khác đối với sinh viên Việt Nam gặp không ít những khó khăn, trong đó việc tiếp thu bài giảng là nan giải nhất.

Nếu giáo viên chỉ giảng bằng tiếng Anh thì chỉ có khoảng 20% sinh viên hiểu được nội dung bài giảng, 80% còn lại không thể hiểu giáo viên nói gì.

Nếu giáo viên giảng bài 50% tiếng Anh, 50% tiếng Việt thì tình hình khả quan hơn. Tuy nhiên như vậy thì sẽ không còn cái gọi là: “đạy và học chuyên ngành bằng tiếng Anh”.

Vấn đề đọc và hiểu giáo trình đối với sinh viên cũng ít khả quan.

Gần 80% sinh viên không hiểu giáo trình tiếng Anh; do trình độ ngoại ngữ; do tinh thần học tập; do sách có quá nhiều thông tin nội dung khó hiểu.

Vấn đề nói và viết của sinh viên là một trong những vấn đề đáng quan tâm nhất. Do học tiếng Anh nhưng chỉ sử dụng trong môi trường tiếng Việt (ít tiếp xúc với người bản ngữ) nên khả năng nói tiếng Anh của sinh viên Việt Nam là rất kém. Ở những môn học có yêu cầu phải thi bằng luận văn nói thì tỷ lệ trượt cũng khá cao: 50%. Ở những môn thi viết, rất ít sinh viên viết đúng và rõ nghĩa bằng tiếng Anh; chủ yếu viết theo kiểu tiếng Việt rồi diễn giải bằng tiếng Anh; sai nhiều lỗi ngữ pháp, và dùng từ sai nghĩa.

Một hướng đào tạo mới đó là phương thức đào tạo từ xa, trong đó có đào tạo ngoại ngữ, được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai ở một số trường đại học từ năm 1995. Bộ môn tiếng Anh của Viện Đại học mở Hà Nội đã thiết kế một chương trình một hệ tiếng Anh từ xa với 200 ĐVHT. Sau 10 năm đào tạo theo phương thức này một vấn đề được đặt ra đối với Viện Đại học mở là: cần có những nghiên cứu về mặt phương

pháp luận dạy và học đối với phương thức đào tạo này, giáo trình cần phải được thống nhất và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Mặc dù trong 10 năm qua theo phương thức đào tạo từ xa, Viện Đại học mở Hà Nội đã đào tạo được 1075 học viên tốt nghiệp và đến năm 2005 đã có khoảng 1600 học viên tiếng Anh ở các tỉnh phía Bắc học chương trình học tiếng Anh theo phương thức đào tạo từ xa.

Việc dạy - học một ngoại ngữ phục vụ cho các chuyên ngành hiện nay đang có những đổi mới tích cực, nhất là ở phương diện tổ chức đào tạo. Một khoa ngoại ngữ chuyên ngành đã được hình thành tại trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội đảm nhận vai trò của một trung tâm ngoại ngữ. Khoa này có nhiệm vụ dạy ngoại ngữ cho các trường thành viên và các khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Theo Đỗ Bá Lộc, nguyên thư ký Hội đồng Ngữ học và Việt học thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì giáo trình của khoa ngoại ngữ này khá tiên tiến, chứa những thông tin cập nhật từ các giáo trình của nước ngoài, phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu của sinh viên. Các giáo trình được biên soạn theo phương pháp giao tiếp, rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên, giúp cho sinh viên không chỉ nâng cao các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ mà còn nâng cao các kiến thức khác.

2. Một số giải pháp

Các giải pháp để nâng cao chất lượng của việc dạy và học ngoại ngữ cho các chuyên ngành ở các trường đại

học Việt Nam hiện nay cần được quan tâm trước hết là các chính sách về giáo dục và đào tạo, nhất là phương pháp đào tạo, đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ, giáo trình, các hình thức thi cử. Về vấn đề này, theo Hồ Hải Thụy, chúng ta có thể thuê các chuyên gia người bản ngữ và sử dụng một cách phù hợp giáo trình dạy tiếng (hiện nay chủ yếu là tiếng Anh) của nước ngoài. Gần đây có một động thái khá tích cực của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam là giao cho các trường quyền chủ động trong việc liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài, kể cả việc mua một số giáo trình chuyên môn cũng như giáo trình dạy tiếng. Tuy vậy, điều này cũng sẽ gặp một số nan giải đối với chiến lược cũng như những vấn đề về công bằng xã hội trong đào tạo. Bởi vì chỉ có những học sinh thuộc diện gia đình khá giả mới tiếp cận được những chương trình dạy và học nêu trên do học phí tăng cao.

Theo Nguyễn Thị Kim Thanh, để khắc phục tình trạng dạy và học ngoại ngữ kém hiệu quả đối với sinh viên khối khoa học-công nghệ hiện nay, chúng ta cần:

1. Khảo sát lại trình độ, nhu cầu và mục đích học ngoại ngữ của từng đối tượng sinh viên, nhằm xác định đúng ngoại ngữ cần dạy và nội dung ngoại ngữ cần cung cấp.

2. Tham khảo các giáo trình dạy tiếng ở nước ngoài, nhằm chọn lựa những giáo trình thích hợp với các đối tượng sinh viên khác nhau của Việt Nam.

3. Kết hợp nhiều giáo trình.

Khuyến khích sinh viên tìm hiểu kiến thức qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Tận dụng các trang thiết bị đa phương tiện trong dạy và học.

4. Xây dựng chương trình dạy ngoại ngữ một cách tổng thể, liên hoàn theo từng module, tiêu chuẩn quốc tế.

5. Xây dựng một qui trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo sự công bằng, động viên ý thức tự giác của sinh viên.

6. Giáo viên cần được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn và cập nhật những công nghệ giảng dạy hiện đại, áp dụng những công nghệ này một cách có hiệu quả.

III. Một số kiến nghị

Thực trạng của việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay có quá nhiều vấn đề đáng quan tâm và cần phải xem xét ở tầm vĩ mô. Trong đó vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở đào tạo, đội ngũ giáo viên, bản thân sinh viên, học sinh có một vai trò rất quan trọng. Chúng ta chưa thể tiến hành được công cuộc cải cách giáo dục, trong đó có việc dạy và học ngoại ngữ nếu không tính đến tất cả các yếu tố nói trên. Việc dạy và học ngoại ngữ là rất cần thiết cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhưng chúng ta cần phải tiếp tục duy trì và phát triển vai trò và chức năng của tiếng Việt trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Ở phương diện quản lý nhà nước, năm 2005 Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Quốc hội bản dự thảo sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục (1998). Trong dự thảo

lần thứ 10 của Luật Giáo dục được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình bày tại cuộc hội thảo do Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam tổ chức ngày 16/4/2004, đã có nhiều góp ý của các nhà khoa học, giáo dục. Trong đó có những đề nghị cần phải sửa đổi như sau:

Đối với Điều 5, về ngôn ngữ dùng trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác, bổ sung thêm khoản 3, với nội dung: “Nhà trường và cơ sở giáo dục khác trong hệ thống giáo dục quốc dân được dùng tiếng nước ngoài để giảng dạy, học tập. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định việc giảng dạy, học tập bằng tiếng nước ngoài”.

2. Đối với Điều 36, cần phải nhấn mạnh sinh viên tốt nghiệp phải sử dụng được một ngoại ngữ theo yêu cầu công tác, vì trong điểm a khoản 1 điều này có ghi: “Đào tạo trình độ đại học phải đảm bảo cho sinh viên có những kiến thức cơ bản và chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh; có phương pháp làm việc khoa học; có năng lực vận dụng lý thuyết, sử dụng một ngoại ngữ và kiến thức tin học cơ sở vào công tác chuyên môn”.

Nhằm đổi mới nội dung giảng dạy cho phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ, phù hợp với yêu cầu của xã hội cần phải quan tâm đến các vấn đề có tính cấp bách sau đây:

a. Vấn đề biên soạn sách giáo khoa ngoại ngữ

Hiện nay chúng ta cần phải tổ chức biên soạn sách giáo khoa một cách khoa học và hiện đại hơn, phù hợp hơn với các loại đối tượng học sinh, sinh

viên, lấy phương pháp giao tiếp làm trọng tâm. Cung cấp cho học sinh, sinh viên những nền tảng ngôn ngữ - văn hoá của mỗi ngoại ngữ. Các giáo trình ngoại ngữ của Việt Nam biên soạn hiện nay phần lớn dựa trên các lý thuyết đối chiếu (so sánh) ngôn ngữ, lý thuyết về sự tiếp xúc ngôn ngữ. Mặc dù những cơ sở lý thuyết nêu trên có những tác dụng tích cực cho việc biên soạn giáo trình dạy ngoại ngữ, nhưng chúng ta thấy thiếu, vắng những cơ sở tâm lý - ngôn ngữ học trong việc dạy và học tiếng. Điều đó sẽ hạn chế kết quả của việc dạy và học tiếng hiện nay.

b. Vấn đề chọn ngoại ngữ nào để dạy và học

Chúng ta không thể chỉ sử dụng tiếng Anh trong sự nghiệp hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước mà các thứ tiếng khác như tiếng Trung, Nga, Pháp v.v... cũng rất quan trọng tùy theo từng nhiệm vụ, yêu cầu của xã hội. Tiếng Nhật, tiếng Hàn v.v... cũng rất cần trong các ngành du lịch và kinh tế hiện nay.

c. Việc dạy và học ngoại ngữ không chỉ tuân theo các chuẩn mực và yêu cầu của Việt Nam mà còn cần phải tuân theo các chuẩn mực và yêu cầu có tính quốc tế.

Việc cấp các chứng chỉ ngoại ngữ một cách tràn lan hiện nay cần phải được thống nhất, theo qui định chung. Chẳng hạn như các hình thức thi và

cấp chứng chỉ của các trường đại học có tiếng ở nước ngoài (như các chứng chỉ Toefl, Iels v.v...) cần được tham khảo và rút ra những kinh nghiệm tốt, áp dụng cho Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu hội thảo khoa học “Dùng tiếng nước ngoài làm chuyển ngữ (ngôn ngữ giảng dạy) trong quá trình hội nhập. Hà Nội, tháng 1/2005.
2. Tài liệu hội thảo khoa học “Ngoại ngữ ở Việt Nam trong quá trình hội nhập, Hà Nội, tháng 6/2005.
3. Đinh Văn Đức; Kiều Châu. Vài nhận thức về ngoại ngữ và giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành ở bậc đại học. *T/c Ngôn ngữ*. 2005, số 12.
4. Trần Xuân Điệp. Tính đa dạng của ngôn ngữ và việc giảng dạy ngoại ngữ. *T/c Ngôn ngữ*. 2005, số 10.
5. Hoàng Văn Dân. Đổi mới phương pháp dạy kỹ năng nói tiếng Anh ở trung học phổ thông. *T/c Ngôn ngữ*, 2005. số 10.
6. Hoàng Văn Vân. Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hợp lý và có hiệu quả ở Việt Nam đầu thế kỷ XXI. *T/c Ngôn ngữ*. 2004, số 9.
7. Nguyễn Bảo Trang. Tiêu chuẩn đánh giá phần mềm học ngôn ngữ. *T/c Ngôn ngữ và Đời sống*. 2005, số 1+2 (111+112).